MẪU HỢP ĐỒNG SẢN XUẤT PHIM QUẢNG CÁO TVC – SONG NGỮ VIỆT ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG SẢN XUẤT PHIM QUẢNG CÁO
TVC PRODUCTION CONTRACT

Số:……..
No:……...

Hôm nay, ngày ……, tại ……., chúng tôi gồm có:
On this day of ……, in ……., we the undersigned include the following parties:

BÊN A (Khách hàng):
PARTY A (Client):
Địa chỉ:
Address:
Điện thoại :
Phone:
Mã số thuế:
Tax code:
Đại diện: Chức vụ:
Representative: Position:

BÊN B (Đơn vị sản xuất):
PARTY B (Production house):
Địa chỉ:
Address:
Điện thoại :
Phone:
Mã số thuế:
Tax code:
Đại diện: Chức vụ:
Representative: Position:
Tài khoản:
Bank account:

Hai bên đã thỏa thuận và đồng ý thực hiện Hợp đồng này với các điều khoản dưới đây:
The two parties have come to a mutual agreement to execute this Contract with the following terms:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG
ARTICLE 1: SCOPE OF WORK

MẪU HỢP ĐỒNG SẢN XUẤT PHIM QUẢNG CÁO TVC – SONG NGỮ VIỆT ANH

1.1. Bên A đồng ý sử dụng Bên B là đơn vị cung cấp dịch vụ sản xuất cho Bên A phim quảng cáo TVC với thời lượng …… cho sản phẩm "....." thuộc sở hữu của Bên A.
1.1. Party A will engage Party B to provide TVC production services for the product "....," which is owned by Party A.

• Khách hàng:
• *Client:*
• Công ty sản xuất:
• *Production house:*
• Sản phẩm:
• *Product:*
• Hình thức: Phim quảng cáo – TVC
• *Form: advertising film – TVC*
• Thời lượng:
• *Duration:*

1.2. Thời gian sử dụng TVC quảng cáo và hình ảnh diễn viên
1.2. Period of use of the TVC and actor images

a) TVC quảng cáo sau khi hoàn thành được bàn giao cho Bên A, Bên A có toàn quyền sở hữu và có toàn quyền sử dụng TVC quảng cáo.
a) Upon completion, the TVC will be delivered to Party A. Party A will possess complete ownership and the full right to use the TVC.

b) Các điều khoản với diễn viên …….. cho gói chi phí ……. đồng bao gồm:
b) Terms with actor ..... for the ……. VND package include:

- 01 ngày ghi hình tại Việt Nam.
- *One day of shooting in Vietnam.*
- 01 năm sử dụng hình ảnh, không giới hạn trên các nền tảng truyền thông.
- *One year of image usage, with no limits on media platforms.*
- Thời gian sử dụng hình ảnh tính từ ngày chính thức phát sóng.
- *The period of image usage is determined from the date of the official broadcast.*
- Diễn viên ..... không cho các nhãn hàng đối thủ sử dụng hình ảnh trong quá trình còn thời hạn sử dụng hình ảnh của Bên A.
- *Actor ..... will not allow competing brands to use his image during Party A's period of image usage.*
- Diễn viên ..... ưu tiên tái ký với Bên A và chi phí cho 01 năm tiếp tục sử dụng hình ảnh là …….. đồng/năm.
- *After the end of the period of image usage, actor ..... will prioritize re-signing with Party A, with the annual fee for extended image usage set at ……. VND/year.*

c) Nếu được Bên A đồng ý, hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục Hợp đồng đi kèm với Hợp đồng này.
c) Upon agreement by Party A, both parties will sign appendices which are integral parts of this Contract.

d) Bên A và Bên B thống nhất với nhau về việc lựa chọn diễn viên cho TVC quảng cáo.

d) Party A and Party B will come to a consensus regarding the choice of actors for the TVC

1.3. Địa điểm quay TVC quảng cáo

1.3. TVC shooting location

- Sau khi thông qua kịch bản cho TVC quảng cáo. Hai bên sẽ cùng tìm và thống nhất địa điểm ghi hình quảng cáo. địa điểm quay quảng cáo phải phù hợp với kịch bản đã thông qua.

- Following the approval of the script for the TVC, the two parties shall seek and mutually consent to shooting locations which should align with the approved script.

1.4. Thời gian sản xuất

1.4. Production timeline

- Thời gian sản xuất trong Hợp đồng này được hai bên thống nhất bắt đầu từ thời điểm hai bên ký kết Hợp đồng cho đến khi hoàn thành và bàn giao sản phẩm gồm các giai đoạn sau:

- *The production timeline is mutually established by both parties, commencing from the signing of the Contract until the final delivery of the product, encompassing the following stages:*

- Ký kết Hợp đồng sản xuất, Phụ lục đi kèm (nếu có);
- *Signing of the Contract and Appendices (if any);*
- Tiền sản xuất, xây dựng ý tưởng, kịch bản TVC;
- *Pre-production, concept creation, TVC script;*
- Sản xuất tiền kỳ TVC: lựa chọn bối cảnh, chuẩn bị đạo cụ, trang phục, tuyển diễn viên, phân cảnh, lời bình,…
- *Initial stages of TVC: selecting the location, arranging props, costumes, casting actors, planning scenes, voice-over script, etc.*
- Sản xuất TVC quảng cáo: Gồm tổ chức sản xuất, tổ đạo diễn, tổ quay, tổ kỹ thuật, tổ mỹ thuật…..
- *TVC production: Including the organization of production, the director's team, the shooting crew, the technical staff, the art team, etc.*
- Giai đoạn sản xuất hậu kỳ TVC;
- *TVC post-production;*
- Bàn giao sản phẩm
- *Product delivery*

- Thời gian sản xuất được Bên B chỉ rõ chi tiết trong phụ lục Hợp đồng đi kèm với Hợp đồng này và được Bên A chấp thuận.

- The production timeline is specified in detail by Party B in an appendix attached to this Contract and approved by Party A.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

ARTICLE 2: CONTRACT VALUE

2.1. Giá trị Hợp đồng cho hoạt động sản xuất TVC "....." như sau:

MẪU HỢP ĐỒNG SẢN XUẤT PHIM QUẢNG CÁO TVC – SONG NGỮ VIỆT ANH

2.1. Contract value for "....." TVC production is as follows:

Nội Dung ***Content***	**Thành tiền (đồng)** ***Total amount (VND)***
Sản xuất phim quảng cáo TVC *TVC production*	……..
Thuế VAT (8%) *VAT (8%)*	……..
TỔNG GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG ***TOTAL CONTRACT VALUE***	……..

(Bằng chữ: …… đồng, đã bao gồm 8% VAT).
(In words: …… dongs, inclusive of 8% VAT.)

2.2. Kết quả Hợp đồng bao gồm các hạng mục sau:
2.2. The Contract's deliverables include the following items:

• Mẫu Quảng cáo đã hoàn thành với hình thức và thời lượng được nêu tại Điều 1 Hợp đồng này.
• *The final TVC in the form and duration as outlined in Article 1.*
• Kịch bản quay TVC quảng cáo được Bên B biên soạn sẽ thuộc quyền sở hữu của Bên A. Bên B có trách nhiệm xác định thời hạn xây dựng kịch bản, thời hạn Bên A phê duyệt kịch bản, thời hạn sửa đổi, bổ sung (nếu có) và thông qua. Bên B cam kết rằng, kịch bản được biên soạn không vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của cá nhân, tổ chức khác, phải phù hợp với đạo đức, văn hóa và thuần phong mỹ tục của Việt Nam.
• *The TVC script compiled by Party B will be the property of Party A. Party B is responsible for establishing the timeline for script development, the timeline for Party A's approval, as well as the timeline for any revisions and necessary approvals. Party B assures that the compiled script adheres to legal standards, respects the intellectual property rights of others, and aligns with the ethics, culture, and customs of Vietnam.*
• Tất cả các công đoạn trong quá trình sản xuất TVC quảng cáo đều phải được Bên A phê duyệt. Bên A có trách nhiệm phê duyệt trong thời hạn được ấn định trong Phụ lục về thời gian sản xuất quy định tại khoản 1.4 Điều 1 Hợp đồng này.
• *Every phase of the TVC production process requires approval from Party A. Party A holds the responsibility for granting approval within the timeframe outlined in the Appendix regarding the production timeline specified in Clause 1.4, Article 1.*
• Sử dụng nhạc sản xuất riêng, Bên A sẽ không phải trả thêm chi phí sử dụng tác quyền. Nếu Bên A có nhu cầu sử dụng hoặc phối lại từ tác phẩm nhạc (bài hát) có bản quyền thì Bên A phải trả thêm chi phí mua bản quyền bài hát đó.
• *The use of privately produced music by Party A will not incur any extra copyright charges. If Party A wishes to utilize or modify a copyrighted musical piece, they are required to remit extra payments to acquire the rights for that piece.*
• Đoạn phim quảng cáo được thu tiếng Việt (giọng miền Nam) tại Việt Nam, được Bên B chịu trách nhiệm thực hiện trên kịch bản đã được 02 bên thống nhất.

• *The TVC is narrated in Vietnamese voice (with Southern accent) in Vietnam, with Party B tasked with executing it following the script mutually accepted by both parties.*
• Giao thành phẩm gồm: 01 phim quảng cáo 30 giây, 01 phiên bản 15s, 01 phiên bản 6s.
• *Completed deliverables consist of 01 (one) 30-second TVC, 01 (one) 15-second version, and 01 (one) 6-second version.*

2.3. Các hạng mục phát sinh ngoài Hợp đồng này và các phụ lục đi kèm bao gồm các trường hợp bất khả kháng, hai bên sẽ cùng thỏa thuận mức chi phí cho những hạng mục phát sinh và tiến hành thực hiện thông qua ký kết phụ lục Hợp đồng bổ sung.
2.3. Items that emerge beyond this Contract and its appendices, including cases of force majeure, will be subject to mutual agreement on the cost level for these items, and implementation will proceed through the signing of an additional appendix.

ĐIỀU 3: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN
ARTICLE 3: PAYMENT TERMS

3.1. Phương thức thanh toán:
3.1. Payment method:
Thanh toán sẽ được Bên A thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B, chi tiết như sau:
Party A will execute the payment via bank transfer to the account of Party B, with the details outlined below:
ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG: ……
BENEFICIARY: ……
TÊN NGÂN HÀNG: ……
BANK NAME: ……
SỐ TÀI KHOẢN : ……
ACCOUNT NUMBER : ……
Thanh toán sẽ được thực hiện bằng Việt Nam Đồng - VNĐ.
Payment will be made in Vietnamese Dong - VND.
3.2. Thời gian thanh toán:
3.2. Payment schedule:
Bên A sẽ thanh toán cho Bên B làm 02 đợt, cụ thể:
Party A shall remit payment to Party B in two installments, specifically:
- Đợt 1: Bên A thanh toán cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng tương đương với số tiền là …… VNĐ (Bằng chữ: …… đồng) trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký kết Hợp đồng và Bên A nhận được hoá đơn thanh toán đợt 1.
***- Phase 1:** Party A shall pay Party B 30% of the Contract value, amounting to VND …… (In words: …… dongs) within 30 days from the date of Contract signing and upon receipt of the invoice for Phase 1.*
- Đợt 2: Bên A thanh toán cho Bên B 70% giá trị Hợp đồng còn lại tương đương với số tiền là …… VNĐ (Bằng chữ: …… đồng.) trong vòng 30 ngày sau khi Bên B bàn giao thành phẩm và Bên A nhận được hóa đơn thanh toán đợt 2.

- Phase 2: *Party A shall pay Party B 70% of the remaining Contract value, amounting to VND …… (In words: …… dongs) within 30 days after Party B hands over the final delivarables and Party A receives the invoice for Phase 2.*

3.3. Việc thanh toán phải được thực hiện đúng thời hạn cam kết. Nếu có bất kỳ sự chậm trễ nào trong các Đợt thanh toán nêu trên, Bên A sẽ chịu trả lãi với mức lãi suất cao nhất theo Ngân hàng nhà nước ấn định trên tổng số tiền chậm thanh toán.

3.3. Timely payment is required as agreed upon. In the event of any delay during the specified payment schedule, Party A will pay late payment interest at the maximum rate set by the State Bank on the total overdue amount.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN:

ARTICLE 4. RESPONSIBILITIES OF THE TWO PARTIES:

4.1. Trách nhiệm Bên A:

4.1. Party A's Responsibilities:

a) Cung cấp toàn bộ thông tin cần thiết liên quan đến quá trình thực hiện phim quảng cáo cho Bên B để Bên B thực hiện đúng nội dung Hợp đồng.

a) Provide all essential details regarding the advertising film production process to Party B to ensure Party B can effectively fulfill the terms outlined.

b) Chỉ định một người đại diện để giám sát và cung cấp những hướng dẫn suốt quá trình quay quảng cáo, giai đoạn xuất thô và giai đoạn hậu kỳ sản xuất.

b) Designate a representative to oversee and offer direction during the TVC shooting, raw production, and post-production phases.

c) Tuân theo điều khoản thanh toán đã được thỏa thuận theo Điều 4.

c) Adhere to the payment terms established in Article 4.

d) Cung cấp tất cả các loại sản phẩm cho quá trình quay TVC.

d) Provide a comprehensive range of products for the shooting process of TVC.

e) Cung cấp tất cả các thiết kế cần thiết về sản phẩm cho Bên B (Super, artwork, nhãn chai,…)

e) Provide all required product designs to Party B (Super, artwork, bottle labels,...)

f) Cung cấp phụ đề (nếu có).

f) Provide subtitles (if any).

g) Hỗ trợ địa điểm ghi hình quảng cáo.

g) Provide support for advertising shooting locations.

h) Cam kết bảo mật thông tin được quy định tại Hợp đồng này;

h) Ensure confidentiality as stipulated in this Contract;

i) Bồi thường thiệt hại nếu có hành vi gây ra thiệt hại cho Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng này hoặc chịu lãi suất phát sinh trong trường hợp chậm trễ thanh toán cho Bên B theo các đợt thanh toán tại Điều 3 Hợp đồng này.

i) Provide compensation for any damages incurred by Party B during the execution of this Contract or incur interest for any late payments to Party B as outlined in the payment schedule in Article 3 of this Contract.

MẪU HỢP ĐỒNG SẢN XUẤT PHIM QUẢNG CÁO TVC – SONG NGỮ VIỆT ANH

➢ Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện một phần của tài liệu.
➢ **ĐẶT MUA** và ***thanh toán*** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
➢ Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.

➢ *Liên hệ* **0934.436.040** *(**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.*